TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20-8-2020
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Quốc Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Dáng Hương – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78^{A}/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, ấp R2, xã HB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Phi S, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TS, thị trấn OE, huyện TS, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

Chị và anh S do tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau năm 2011, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó chị T phát hiện anh S có người phụ nữ khác. Mặc dù chị T đã nhiều lần khuyên can và cho anh S nhiều cơ hội sửa đổi để cùng chị xây dựng hạnh phúc gia đình, chăm lo cho con nhưng không được nên chị và anh S đã sống ly thân khoảng 08 năm. Trong thời gian không chung sống, cả hai không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm, cũng không ai quan tâm ai. Nay nhận thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục hôn nhân với anh S nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Quá trình chung sống có một con chung tên Nguyễn Anh Q, sinh ngày 19/12/2011. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải để chị T và anh S thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng anh S vắng mặt nên việc hòa giải không tiến hành được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về phía bị đơn là anh Nguyễn Phi S đã được Tòa án tống đạt niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh S vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa: Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh S và yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Anh S vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn anh S. Về con chung, giao cháu Nguyễn Anh Q cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Nguyễn Phi S chung sống với nhau có đăng ký kết hôn (Theo Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 78 do UBND thị trấn OE, huyện TS cấp ngày 22/6/2011). Anh Nguyễn Phi S có hộ khẩu thường trú tại: Ấp TS, thị trấn OE, huyện TS, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, anh Nguyễn Phi S vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Xét việc tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh S xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 22/6/2011 tại UBND thị trấn OE, huyện TS, tỉnh An Giang theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do anh S có người phụ nữ khác. Mặc dù chị T đã nhiều lần khuyên can và cho anh S nhiều cơ hội sửa đổi để cùng chị xây dựng hạnh phúc gia đình, chăm lo cho con nhưng không được nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Do đó, chị và anh S đã sống ly thân khoảng 08 năm.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để các đương sự hòa giải với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng anh S vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành hòa giải được.

[3.2] Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh S không thể hàn gắn vì đời sống chung của vợ chồng không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong thời gian không chung sống cả hai cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Căn cứ trình bày của chị Nguyễn Thị Thùy T có một con chung tên Nguyễn Anh Q, sinh ngày 19/12/2011. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu Q thể hiện nguyện vọng của cháu muốn sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử xét yêu cầu của chị T phù hợp nguyện vọng của cháu Q, đồng thời việc giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đảm bảo sự ổn định về tâm lý và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu nên yêu cầu của chị T là có cơ sở chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích cho chị T về quyền

yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với người trực tiếp nuôi con chung, cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con chung nhưng chị T vẫn giữ nguyên ý kiến của mình, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định công nhận sự tự nguyện của chị T trong việc không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Theo trình bày của chị T không có tài sản chung, nợ chung.

Đối với anh Nguyễn Phi S Tòa án đã tống đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh S vắng mặt và cũng không có văn bản nêu ý kiến và yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định. Anh Nguyễn Phi S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy T được ly hôn anh Nguyễn Phi S.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh Q, sinh ngày 19/12/2011 cho chị Nguyễn Thị Thùy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Phi S và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được nuôi con của chị Nguyễn Thị Thùy T đối với cháu Nguyễn Anh Q. Chị Nguyễn Thị Thùy T và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Phi S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001017 ngày 27/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn.

Anh Nguyễn Phi S không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 78 do Ủy ban nhân dân thị trấn OE, huyện TS, tỉnh An Giang cấp ngày 22/6/2011 cho chị Nguyễn Thị Thùy T và anh Nguyễn Phi S không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Thoại Sơn (1);
- THADS huyện Thoại Sơn (1);
- UBND TT.OE (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Mỹ Linh